

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: 464/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 10 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2266/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 577/TTr-SNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm rà soát, xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt sửa đổi, bổ sung các quy trình giải quyết TTHC/cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm

Phục vụ Hành chính công tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm soát TTTHC-VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm ĐHTT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC. *phs*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam



Phụ lục

**DANH MỤC TTHC LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA UBND TỈNH, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số ~~464~~ /QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

**A. DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA UBND TỈNH, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Số TT	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 1.010733	50 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Phí thẩm định theo quy định của HĐND tỉnh	- Điều 38 Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Khoản 4, Điều 62 Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Điểm b, khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 của Bộ NN&MT quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu ngày 16/6/2025 của Bộ NN&MT quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu.

Số TT	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Cấp giấy phép môi trường 1.010727	- Thời gian giải quyết TTHC cấp giấy phép môi trường tối đa là 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ¹. - Thời gian giải quyết TTHC cấp giấy phép môi trường tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp còn lại. - Thời gian phân tích mẫu chất thải và hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết TTHC của cơ quan cấp phép	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Phí thẩm định theo quy định của HĐND tỉnh	- Điều 38 Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Khoản 4, Điều 62 Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Khoản 6, Điều 63 Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Khoản 1, Điều 26 Nghị định 131/2025/NĐ-CP. - Điểm b, khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 của Bộ NN&MT quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu.
3	Cấp đổi giấy phép môi trường 1.010728	Tối đa 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Không quy định	- Điều 38 Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

¹ - Đối với trường hợp Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Phu

Số TT	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		không tính vào thời gian giải quyết TTHC của cơ quan cấp phép.			- Khoản 4, Điều 62 Điều 38 Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Khoản 6, Điều 63 Điều 38 Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Khoản 2, Điều 26 Nghị định 131/2025/NĐ-CP. - Điểm b, khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 của Bộ NN&MT quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu.
4	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường 1.010729	Tối đa 25 (hai mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết TTHC của cơ quan cấp phép	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định của HĐND tỉnh	- Điều 38 Điều 38 Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Khoản 4, Điều 62 Điều 38 Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Khoản 6, Điều 63 Điều 38 Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của

Số TT	Tên TTHC/ Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Khoản 2, Điều 26 Nghị định 131/2025/NĐ-CP. - Điểm b, khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 của Bộ NN&MT quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu.
5	Cấp lại giấy phép môi trường 1.010730	Tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Thời gian hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở không tính vào thời gian giải quyết TTHC của cơ quan cấp phép.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường theo quy định của HĐND tỉnh	136/2025/NĐ-CP. - Khoản 4, Điều 62 Điều 38 Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Khoản 6, Điều 63 Điều 38 Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Khoản 2, Điều 26 Nghị định 131/2025/NĐ-CP. - Điểm b, khoản 5 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 của Bộ NN&MT quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu.

ph

B. DANH MỤC TTHC BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN ĐÃ PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN CHO CẤP TỈNH

Số TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ
1	1.010723	Cấp giấy phép môi trường Môi trường	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	1.010724	Cấp đổi giấy phép môi trường	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
3	1.010725	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4	1.010726	Cấp lại giấy phép môi trường	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

pho